

# QUAN HỆ MỸ-TRUNG-NHẬT-ASEAN sau khủng hoảng Á châu 1997

**Cao Huy Thuần**

*Giáo sư Đại Học Amiens (Pháp)*

*Giám đốc Centre de recherche universitaire sur la construction européenne (CRUCE)*

Trong một bài viết xuất bản năm 1998 (1), tôi đã có trình bày những nét chính trong quan hệ chiến lược giữa ba cường quốc Mỹ, Trung Quốc và Nhật ở châu Á-Thái Bình Dương. Những nét chính đó không thay đổi và bài viết vẫn còn giữ nguyên tính cách thời sự. Ở đây, tôi chỉ bổ túc bài viết trước bằng những biến chuyển mới từ bốn năm qua và nhấn mạnh sự suy thoái của ASEAN trong quan hệ đa phương ở Đông Nam Á. Với mục đích đưa ra những vấn đề chính, những câu hỏi lớn, những khuynh hướng nổi bật, bài viết không đi vào chi tiết, lắm lúc phải trình bày sơ lược, chẳng hạn khi nói về ASEAN. Nói về tổ chức này mà hạn chế vào sự suy thoái mà thôi là bất công. Nhưng quả thật đó là khuynh hướng đáng ngại khiến chúng ta, dù không muốn, vẫn phải đặt câu hỏi : có nên tăng cường những định chế tập thể của ASEAN để tổ chức này có hy vọng trở thành một trong bốn chân ghế chiến lược ở Đông Nam Á ?

Để đi đến câu hỏi đó, bài viết sẽ chia ra hai phần. Phần thứ nhất phân tích quan hệ tay ba giữa ba ông khổng lồ. Phần thứ hai dành cho quan hệ giữa ba ông và ASEAN.

## **I. Quan hệ tay ba : Mỹ-Trung-Nhật.**

Quan hệ tay ba liên quan đến ba cặp : Mỹ-Trung, Mỹ-Nhật, Trung-Nhật. Tuy rằng phân tích quan hệ tay ba bằng cách chia ra ba cặp tay đôi như vậy là không hợp lý lắm, bởi vì quan hệ tay đôi sẽ chông chéo với quan hệ tay ba, tôi cũng đành chọn phương pháp này vì nó làm sáng tỏ vấn đề hơn cả. Trong ba cặp tay đôi như vậy, cặp quan trọng nhất hiển nhiên là Mỹ-Trung. Một tay là bá chủ hoàn cầu, một tay là bá quyền khu vực, hai tay này quyết định quan hệ tay ba và tay tư trong vùng Đông Nam Á. Vậy xin bắt đầu trước với hai tay này.

### **1. Quan hệ Mỹ-Trung.**

Mỹ là chủ soái trong một thế giới đã trở thành nhất cực. Ai còn mơ mộng lãng mạn về một thế giới đa cực, biến cố 11 tháng 9 năm ngoái hẳn đã biến mộng mơ thành khói mây. Về quân sự, về kinh tế, về chính trị, về áp lực quân thần, về định nghĩa giá trị, về cách chỉ định kẻ thù, thế giới rầm rập phủ phục dưới uy vũ của một chủ soái mà ý muốn đã trở thành ý trời vì chỉ có trời mà thôi mới phân xử được thiện ác.

Thế nhưng, ở Á châu, chủ soái thế giới đụng đầu với một bá chủ địa phương mà sức mạnh càng ngày càng tăng và sự tin tưởng ở giá trị riêng của mình chưa có dấu hiệu gì giảm sút. Đụng độ hay không giữa hai thế lực này là thử thách lớn nhất của ngoại giao Mỹ. Đương nhiên cũng là thử thách lớn nhất của ngoại giao Trung Quốc.

Đụng độ hay không là chuyện của tương lai. Trước mắt, sự thực đang thấy là quan hệ Mỹ-Trung *không vững chắc*. Không vững chắc vì hai lý do chính : một, là Mỹ và Trung Quốc vừa tranh chấp với nhau vừa hợp tác với nhau ; hai, là trong những vấn đề tranh chấp có những tranh chấp cực kỳ quan trọng. Để tránh nói đụng độ, hai bên đều nhấn mạnh hợp tác, Trung Quốc vì đang nghĩ trước tiên đến chuyện làm giàu để mạnh, Mỹ vì đó là sách lược.

Hợp tác là sách lược chính thức của Mỹ ; sách lược đó mang tên là *engagement* : đi với Trung Quốc, đẩy đưa Trung Quốc. Mỹ nói : đây không phải chỉ là lý thuyết suông mà là thực tế sinh động với mạng lưới trao đổi ràng buộc đôi bên trong mọi lĩnh vực : văn hóa, khoa học, xã hội, nghề nghiệp, thể thao, thương mại... Mỗi năm, khoảng 200.000 người Mỹ viếng Trung Quốc, 320.000 đơn xin chiếu khán nhập Mỹ từ Trung Quốc năm 1999. 50.000 sinh viên Trung Quốc nhận được giấy phép nhập cảnh để học tại Mỹ. Đường bay giữa hai nước càng ngày càng mở rộng, các chuyến bay mỗi ngày đầy ắp hành khách. Điện thoại, điện thư, fax tràn ngập đường giây từng phút. Tin tức, báo chí, thông tin qua lại không ngớt hai chiều.

Thương mại phát đạt, tuy phần lợi nghiêng quá nhiều về phía Trung Quốc. Trị giá trao đổi thương mại lên đến 100 tỷ Mỹ kim mỗi năm và tăng đều mỗi năm 10 tỷ. Quốc Hội Mỹ đã biểu quyết cấp quy chế PNTR (permanent normal trade relations) cho Trung Quốc và Mỹ đã ủng hộ cho Trung Quốc vào Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế. Tất cả những liên hệ xã hội dày đặc đó tạo thêm chiều sâu cho bang giao giữa hai nước, giữ thăng bằng cho một quan hệ bấp bênh. Cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều có lý khi tuyên bố : quyền lợi của hai bên bổ túc cho nhau và lắm khi tương hợp nhau (2).

Hai bên còn đi xa hơn và tuyên bố mạnh hơn nữa : quyền lợi bổ túc và tương hợp như vậy diễn ra cả trên lĩnh vực an ninh, chiến lược. Là cường quốc nguyên tử, Trung Quốc và Mỹ cùng nhau đóng cửa, cấm kè khác vắng lai trong câu lạc bộ nguyên tử, cùng nhau ngăn chặn nguy cơ lan tràn khí giới nguyên tử, cùng nhau hướng về viễn tượng một Hàn Quốc thống nhất trong hòa bình, cùng nhau chặn đứng hiểm họa nguyên tử của Kim Chủ Tịch, cùng nhau giải tỏa căng thẳng giữa Ấn Độ và Hồi Quốc bằng cách cố lùa cả hai vào hiệp ước ngăn chặn lan tràn nguyên tử, cố làm đông lạnh chương trình phát triển nguyên tử của cả hai, nói chung, và nói với ngôn từ cao đẹp, cùng nhau tránh chiến tranh, tạo ổn định trong vùng châu Á-Thái Bình Dương. Sau biến cố 11 tháng 9, hai bên lại còn khám phá thêm rằng họ còn có thể xích lại gần nhau hơn nữa để chặt đứt bàn tay khủng bố. Như vậy chẳng phải là một nửa chai Mai Quế Lộ đã đầy hợp tác đó sao ?

Nói như vậy, có một phe sẽ không bằng lòng, ở cả Bắc Kinh lẫn Hoa Thịnh Đốn. Ở Hoa Thịnh Đốn, phe chống Trung Quốc sẽ chỉ ngón tay vào cán cân mậu dịch giữa hai nước : hơn 60 tỷ Mỹ kim thặng dư về phía Trung Quốc, trị giá Mỹ kim xuất khẩu của Mỹ qua Trung Quốc chỉ bằng 1/5 nhập khẩu của Mỹ từ Trung Quốc, mức bất quân bình quá cao, chịu sao được (3). Họ còn nói : chắc gì Trung Quốc sẽ tôn trọng nguyên tắc làm ăn của Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế ? Và nếu Trung Quốc không tôn trọng, chính sách *engagement* có còn giá trị gì nữa chẳng ? Về phía Trung Quốc, phe chống Mỹ cảnh cáo : mục đích tối hậu của *engagement* là hội nhập Trung Quốc vào thế giới tư bản, hợp tác là chiếc bẫy gài trước bước chân Bắc Kinh, đừng ham cái lợi trước mắt mà quên phức hiểm họa đánh mất linh hồn.

Thế là trong chính hợp tác đã có mầm tranh chấp. Huống hồ là trong những tranh chấp thực sự ! Toàn là sống mái cả đây ! Trước hết là Đài Loan. Vâng, Trung Quốc là một. Nhưng làm thế nào để đưa con hoang kia trở về quê cha đất tổ ? Chỉ có hai cách thôi. Một, là thương thuyết hòa bình, trước hết là mở mang quan hệ thương mại, kinh tế, du lịch, nhân sự... giữa hai xã hội. Thành tựu về mặt này rất to lớn trong những năm qua. Đài Loan đã mang tiền bạc, kỹ thuật, tài năng làm giàu lục địa. Kinh tế hai bên đặc biệt bổ túc cho nhau. Liên lạc văn hóa, du lịch giúp hai xã hội hiểu biết nhau, gần nhau hơn. Thế mà lạ thật, viễn ảnh đoàn tụ gia đình cứ dần dần mờ nhạt. Tại sao vậy ? Vì hai biến chuyển : một là Đài Loan cứ tiếp tục đào sâu văn hóa bản địa đặc thù song song với tương quan lực lượng xã hội-chính trị nghiêng về phía dân chúng quê quán trên đảo so với dân chúng vượt biên với Tường Giới Thạch từ 1949 ; hai là Đài Loan cứ tiếp tục phát triển một chế độ chính trị càng ngày càng dân chủ, khó dung hòa với chế độ chính trị áp dụng trên lục địa. Việc Chen Shui-bian, vừa là lãnh tụ đối lập, vừa là đại diện của khuynh hướng Đài Loan độc lập, thắng cử tổng thống trong năm qua chứng tỏ sự lớn mạnh của hai biến chuyển văn hóa và chính trị đã tạo nên bản sắc riêng biệt của Đài Loan hiện nay. Nhiều người đã bắt đầu nói, và không phải nói đùa : một Trung Quốc thôi, OK, đó là Trung Quốc khoác chế độ chính trị của Đài Loan...

Đùa hay thật, không thể để cho hai phát triển đó đào sâu mãi. Cho nên cách thống nhất thứ hai là bằng vũ lực. *Ngộ tả nị!* Trung Quốc tăng cường ngân sách quốc phòng, canh tân hải quân, không quân, tạo dựng lực lượng can thiệp thần tốc, tối tân hóa vũ khí nguyên tử, tập trận đổ bộ ngoài khơi Đài Loan, hâm nóng hăm dọa đánh chiếm.

Chính sách của Mỹ về Đài Loan là chính sách "*ôm ở chiến lược*" (strategic ambiguity). Trước hết là ôm ở về quy chế tối hậu của Đài Loan : thái độ của Mỹ là không nói gì rõ ràng, chỉ đòi hỏi vấn đề phải được giải quyết trong hòa bình, bằng thỏa thuận giữa đôi

bên, không cưỡng bức . Chẳng ai biết Mỹ sẽ hành động thế nào trong trường hợp có đụng độ quân sự . Có ai các có đặt câu hỏi, Mỹ chỉ trả lời bằng cách trích dẫn đạo luật về Đài Loan ký năm 1979 (*Taiwan Relations Act*) theo đó mọi cố gắng để thôn tính Đài Loan bằng vũ lực sẽ được xem như một " *quan tâm trọng yếu* " của Mỹ. Ông Clinton nói thêm một câu : Mỹ không chấp nhận một giải pháp mà dân chúng Đài Loan không chấp nhận (4). Mỹ uốn lưỡi rất kỹ, không hề nói gì rõ hơn về phản ứng có thể xảy ra, tin rằng chính sự không rõ ràng đó đủ để thuyết phục Bắc Kinh và Đài Bắc tránh làm những hành động gây hấn.

Thế nhưng chính sách ồm ờ, giống như mọi sự ồm ờ khác trong đời, rất khó giải thích, lại không dễ áp dụng. Giải thích thế nào với các đồng minh khi chính các nhà chức trách Mỹ cao cấp cũng chẳng biết sẽ hành động thế nào trong trường hợp đụng độ thực sự ? Giải thích thế nào với Nhật khi Nhật cứ mãi hoài thắc mắc không biết phải chờ đợi thái độ gì nơi Mỹ trước một viễn tượng liên quan đến an ninh sống chết của mình ? Thắc mắc như vậy thì đương nhiên Nhật phải nghĩ ra trong đầu nhiều kịch bản và giải pháp riêng đối phó với mỗi kịch bản. Và lúc đó thì chính Mỹ lại đâm ra thắc mắc, không biết anh Nhật kia đang nghĩ gì trong đầu, anh theo mình hay anh đang có ý đồ đi ăn riêng, đồng minh hay đã một dạ hai lòng, ngủ chung một giường chăn gối hay đã đồng sàng dị mộng (5) ? Giải thích thế nào với Đài Loan trong lúc bàn bạc xây dựng kế hoạch phòng thủ, cung cấp buôn bán khí giới ? Làm sao giải thích được khi chính các chuyên viên của Lầu Năm Góc cũng không biết Đài Loan sẽ phản ứng ra sao khi Trung Quốc thách thức bằng cách thử hỏa tiễn trên eo biển năm 1995-96 ? Thách thức đó khiến ông Clinton tăng cường tiếp xúc quân sự với Đài Loan, nhưng vẫn ồm ờ ở mức bán chính thức.

Áp dụng chính sách ồm ờ đó cũng không phải dễ bởi vì nguy cơ là cả hai phe đều có thể diễn dịch sai lầm. Đài Loan có thể nghĩ : rốt cục, Mỹ sẽ phải ủng hộ độc lập. Trung Quốc có thể nghĩ : rốt cục, Mỹ sẽ không dám xông vào khi bom đạn đã trối rất kỹ trên đầu hòn đảo. Ồm ờ như thế có khi chính mình rước họa vào thân. Hay là phải tích cực hơn nữa để ép Đài Loan tránh gây hấn về chính trị và buộc Trung Quốc tránh can thiệp bằng vũ lực ?

Đó là chủ thuyết của ông Bush trong thời gian tranh cử tổng thống, khi ông chỉ trích chính sách *ambiguity*. Bốn tháng sau khi nhậm chức, ông còn nói trong một cuộc phỏng vấn : Mỹ sẽ làm " *bất cứ hành động gì* " để bảo vệ Đài Loan trong trường hợp bị tấn công (6). " *Whatever it takes* " : như vậy thì dứt khoát quá rồi ! Ông Bush lộng ngôn chẳng ? Kém cỏi về chuyện thế giới chẳng ? Quốc Hội giật mình chẳng ? Các cố vấn của ông lắc đầu ngao ngán chẳng ? Lập tức, cùng ngày hôm đó, trong một cuộc phỏng vấn khác, ông tân tổng thống ngoan ngoãn trở về với miệng lưỡi của bài học thuộc lòng giáo khoa : Trung Quốc là một. Để ăn chắc hơn nữa, các cố vấn của ông phụ họa với báo chí trên cùng một ngôn ngữ đó. Tất nhiên Bắc Kinh phản ứng dữ. Tất nhiên Đài Bắc vỗ tay khen : tuyên bố của tân tổng thống có tính " thuyết phục hơn " (*more convincing*), có nhiều khả năng hơn đưa đến ổn định trong vùng.

Thế thì ồm ờ là chính sách hay là hậu quả của tranh chấp giữa hai khuynh hướng trong chính nội bộ Mỹ ? Từ lâu, từ hồi 1950, Trung Quốc đã là vấn đề tranh cãi gay gắt giữa hai phe phái. Các ông dân biểu bảo thủ nhất của đảng Cộng Hòa chỉ trích tổng thống (dân chủ) Truman không đủ cứng rắn trong việc chống Cộng, để mất Trung Quốc về tay Cộng sản. Trung Quốc đã mất rồi, không thể để mất thêm Đài Loan. Do đó Mỹ cứng rắn trong việc bảo vệ Đài Loan. Đến năm 1979, khi ông Carter chính thức thiết lập ngoại giao với Bắc Kinh, Quốc Hội biểu quyết đạo luật về Đài Loan để xác nhận cam kết của Mỹ về an ninh trên hòn đảo. Chưa kể ảnh hưởng của các nhóm áp lực Đài Loan trên Quốc Hội Mỹ, thái độ về Đài Loan không phải lúc nào cũng giống nhau giữa Quốc Hội và Chính Phủ. Cùng một chủ trương giống nhau trên nguyên tắc – *engagement* với Trung Quốc, cam kết về an ninh với Đài Loan – hai khuynh hướng dần dần lộ ra đậm nét : một bên xem Trung Quốc như một thị trường khổng lồ trước mắt, một bên xem Bắc Kinh như đe dọa sắp tới của Mỹ. Trong tranh

chấp về nhận định giữa hai phe, ý thức hệ được lồng vào để làm hậu thuẫn, tạo thêm căng thẳng về giá trị, rất nguy hiểm trước một tình thế đã vô cùng nhạy cảm.

Tính nhạy cảm của tranh chấp về Đài Loan càng ngày càng gia tăng và lắm khi đạt đến mức báo động. Tình hình chính trị trên hòn đảo có thể làm Bắc Kinh nghĩ rằng nếu cứ để nó tiến mãi trên con đường tự chủ và dân chủ, đưa con hoang càng ngày càng khó kéo về mái nhà tổ tiên : thời gian, như thế, sẽ không có lợi cho Trung Quốc. Trước đây, Bắc Kinh đe dọa sẽ dùng vũ lực nếu Đài Loan hành động trái với nguyên trạng. Ngày nay, Bạch Thu 2000 cho cảm tưởng rằng Bắc Kinh sẽ dùng vũ lực nếu Đài Loan chấp chặt vào nguyên trạng. Tính nhạy cảm của tranh chấp càng nguy hiểm hơn nữa ngày nay vì dân tộc chủ nghĩa được kích thích tốt độ. Thế giới đã chứng kiến ngọn lửa dân tộc đó hùng hực thế nào khi máy bay Mỹ, thay vì thả bom trên đầu Milosevic, lại rớt một quả xuống sứ quán Trung Quốc. Lần này kéo theo lần khác : chiếc EP-3 do thám làm sao mà lãnh vèo một phát tên lửa, rơi xuống đúng phóc trên đảo Hải Nam. Lửa phẫn nộ của dân gập đầu tuyên truyền của nhà nước tưới vào, khủng hoảng dễ bị kéo đi quá trớn. Mà khủng hoảng đã quá trớn rồi thì khó lòng mà chẳng dính tới Đài Loan. Huống hồ Đài Loan luôn luôn cựa mình để tìm một vị thế quốc tế xứng với sức nặng kinh tế, thương mại, thách thức chính sách cô lập hóa của Bắc Kinh. Khi bên nào cũng đưa tất cả nhiệt và huyết vào tranh chấp, ai biết được lúc nào lý trí sẽ nhường chỗ cho phi lý ? Ví thử lúc đó xảy ra, ỡm ờ thế nào đây, ỡm ờ thế nào được nữa ? Cho nên duy trì nguyên trạng vẫn là đường lối tối hảo của Mỹ bởi vì nó giữ được vị trí trung dung giữa hai đòi hỏi thái cực mà Mỹ ra sức làm hai bên phải tránh : thống nhất bên này, độc lập bên kia. Mỹ lý luận :thống nhất với lục địa là chuyện xấu nhất đối với Đài Loan ; độc lập của hòn đảo là chuyện xấu nhất đối với Trung Quốc ; vậy thì nguyên trạng là chuyện tốt nhất đối với cả hai.

Tranh chấp gay cấn thứ hai sau Đài Loan là hệ thống phòng thủ hòa tiền mà Mỹ muốn thiết lập. Mỹ nói rằng Mỹ sợ một số " nước côn đồ " chế tạo được vũ khí nguyên tử và hòa tiền liên lục địa đe dọa quân đội Mỹ trú đóng tại các căn cứ đồng minh hoặc chính lãnh thổ Mỹ. Cách giải quyết hay nhất là thiết lập một hệ thống phòng thủ làm vô hiệu những tấn công. Hệ thống đó có thể thiết lập ở hai mức độ : mức độ chiến trường và mức độ lãnh thổ Mỹ. Với một hệ thống phòng thủ vững chắc ở mức độ khu vực chiến trận, Mỹ có thể can thiệp quân sự mà không sợ bị trả đũa bằng hòa tiền tâm ngán của đối phương để bảo vệ quyền lợi sống chết của Mỹ và của đồng minh ở Vùng Vịnh và ở Đông Bắc Á. Với một hệ thống phòng thủ ở mức độ lãnh thổ Mỹ, Mỹ có thể chống lại những đe dọa nhỏ hơn gây ra do hòa tiền tâm xa của các " nước côn đồ " hoặc, trên lý thuyết, của Nga hay Trung Quốc. Ở cả hai mức độ, Trung Quốc đều cảm thấy bị đe dọa, nhưng đe dọa chính là hệ thống phòng thủ ở mức độ chiến trường bởi vì nó liên hệ đến vấn đề bảo vệ Đài Loan. Hiện tại lập trường hai bên bất khả hòa giải.

Tranh chấp thứ ba liên quan đến tình hình biển chuyên ở Triều Tiên, nơi có quân đội Mỹ trú đóng, và hậu quả của những biến chuyển đó trên liên hệ đồng minh của Mỹ ở Đông Bắc Á. Cả Bắc Kinh lẫn Hoa Thịnh Đốn đều tuyên bố ủng hộ hợp tác giữa Bắc và Nam Hàn để đi đến thống nhất. Nhưng trước viễn tượng thống nhất đó, Mỹ thì muốn thành lập một cấu trúc an ninh vùng tăng cường liên kết đồng minh của Mỹ ở Đông Á và duy trì lực lượng tiền đồn của Mỹ ở đây, còn Trung Quốc thì đòi Mỹ hủy bỏ liên kết đồng minh và rút quân đi. Rút quân đi ? Mỹ cho rằng an ninh ở Đông Á-Thái Bình Dương là vấn đề hệ trọng đối với Mỹ. Hủy bỏ liên kết đồng minh ? Mỹ đang muốn Nhật gia tăng đóng góp nhiều hơn nữa vào an ninh đó. Lập trường hai bên lại bất khả hòa giải. Ở thế kẻ mạnh, Mỹ muốn đàm phán với Bắc Kinh để thử tìm một cấu trúc an ninh vùng vừa duy trì cam kết từ lâu của Mỹ vừa kéo Trung Quốc vào để đóng một vai trò xây dựng trong việc bảo đảm an ninh đó. Nếu Trung Quốc đứng ngoài hoặc làm bia hứng đạn của liên minh, an ninh ở châu Á-Thái Bình Dương chắc chắn sẽ không ổn định. Nhưng kéo được Trung Quốc vào hay không thì chẳng ai dám chắc. Một trong những cản trở, mà lại là cản trở căn bản, là bất đồng ý kiến giữa nội bộ Mỹ với nhau về cái nhìn đối với Trung Quốc : thị trường hay kẻ thù. Cái nhìn lúc đầu của chính quyền Bush thấy kẻ thù là chính. Từ đó các cố vấn của ông rút ra mọi kết luận : " Trung Quốc

không phải là cường quốc muốn giữ nguyên trạng mà là muốn làm thay đổi cán cân lực lượng ở Á châu có lợi cho mình. Chỉ mỗi một việc đó thôi đủ làm cho Trung Quốc là kẻ cạnh tranh chiến lược chứ không phải đối tác chiến lược như có lúc chính quyền Clinton đã gọi ". Câu nói đó của bà Condoleezza Rice đã làm kim chỉ nam cho ông Bush trong thời gian tranh cử. "*Strategic competitor*", *not "strategic partner"*". Bà cố vấn nói thêm : " Trung Quốc thắng hay không trong việc điều động cán cân lực lượng phần lớn là tùy ở phản ứng của Mỹ đối với thách thức ... Thúc đẩy chuyên tiếp dân chủ ở bên trong Trung Quốc bằng liên hệ kinh tế là quan trọng, nhưng phải ngăn chặn sức mạnh và tham vọng an ninh của Trung Quốc. Hợp tác phải được tiếp tục, nhưng đừng bao giờ sợ đối đầu với Trung Quốc khi quyền lợi của chúng ta bị va chạm " (7). Ngôn ngữ của bà cố vấn Rice đã hướng dẫn cái lưỡi của ông Bush lúc mới nhậm chức. Bao nhiêu người đã nghĩ quan hệ với Trung Quốc sẽ đối khác với ông tổng thống mới. Nhưng không, chính quyền Bush uốn lưỡi hơn bảy lần để định nghĩa Trung Quốc là gì và Trung Quốc không phải là gì. Là gì ? Là " kẻ cạnh tranh để lấy ảnh hưởng ", là " kẻ có khả năng trở thành địch thủ vùng ", nhưng cũng là " kẻ đối tác về thương mại ", " kẻ có khả năng trở thành đối tác với thiện chí hợp tác trong những vùng mà lợi ích chiến lược của hai bên xen lẫn nhau ". "*Competitor for influence*", "*potential regional rival*", "*trading partner*", "*potential partner willing to cooperate in areas where our strategic interests overlap* ", Trung Quốc là tất cả những cái như thế, " nhưng Trung Quốc không phải là kẻ thù và thách đố của chúng ta là duy trì cho được tình trạng như thế ". Câu nói này là từ miệng ông bộ trưởng ngoại giao Colin Powell thường được dư luận xem như thuộc phe thiếu số chung quanh ông Bush (8). Thế thì Trung Quốc có phải đang cùng với Hoa Kỳ đồng ý " xây dựng để tiến tới một hợp tác chiến lược tích cực " như ông Clinton tuyên bố trước đó không ? Chưa có chứng cứ gì một quan hệ tốt đời như vậy đã được bắt đầu triển khai giữa hai tay chơi còn quá khác nhau trên nhiều mặt. Có thể ông Clinton nói cho đẹp miệng và nhắm chân trời ở títt đằng xa. Trên thực tế, thái độ của Mỹ vẫn là : thế này và thế kia. Em muốn anh là gì, điều đó tùy ở thái độ của em đối với anh.

Bởi vậy, ai muốn nói chính quyền Bush nghiêng về *thế này*, nghĩa là về đưng độ, đốp chất, bằng cứ không thiếu. Này nhé : tăng cường bán khí giới cho Đài Loan ; tạo dựng chương trình phòng thủ hỏa tiễn để dẹp lực lượng nguyên tử của Trung Quốc vào sọt rác ; cho phép tổng thống Đài Loan Trần Thủy Biển hạ chân trên đất Mỹ những hai lần ; cấp hộ chiếu nhập cảnh cho cựu tổng thống Lí Đăng Huy đã cả gan phá đám luật chơi của Bắc Kinh ; tiếp tục do thám Trung Quốc với máy bay EP-3 bị bắn hạ ; và trên tất cả, trên tất cả, ôi, sao Bush dám nói táo tợn như thế : *whatever it takes* ?

Ai muốn nói chính quyền Bush tuy vậy vẫn là *thế kia* cũng không thiếu bằng cứ để trưng ra. Đây này : quyết định ngưng bán hệ thống vũ khí Aegis mà Đài Loan muốn mua nhất và Bắc Kinh sợ nhất ; trấn an Bắc Kinh về tính cách hạn chế của hệ thống hỏa tiễn phòng thủ, " không làm Bắc Kinh mất ngủ đâu " ; không tổ chức tiếp đón gì dành cho ông Trần trong hai lần quá bộ trên đất Mỹ ; ông Lí cũng thế, viếng thăm âm thầm ; thiện chí đi quá nửa đường để gặp Bắc Kinh giải quyết ổn thỏa vụ máy bay EP-3, tránh nói chữ H (hostage, con tin) để khủng hoảng khỏi đi đến mức trầm trọng ; tuy ông Bush có nói *whatever it takes* thật đấy, nhưng ông ấy đã trở lại điệp khúc "*one China policy*" rồi. Muốn bằng cứ nữa cũng dễ thôi : chấp thuận kéo dài thêm một năm quy chế quan hệ thương mại bình thường ; giúp Trung Quốc gia nhập Tổ Chức Thương Mãi Quốc Tế ; giữ thái độ trung lập, không chống việc chọn Bắc Kinh để tổ chức Thế Vận Hội ; viếng thăm Bắc Kinh của Colin Powell với ngôn ngữ dịu ngọt ; và trên tất cả, trên tất cả, tay trong tay khi biến cố 11-9 xảy ra.

Thế này và thế kia, tình trạng tiếp diễn như cũ. Cộng Hòa hay Dân Chủ, phe nọ hay phe này, ai cũng đồng ý với ai về một điểm : quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc căn bản là bất trắc, "*great uncertainties*".

## 2. Quan hệ Trung-Nhật.

Khác với Mỹ ở xa, Nhật chia sẻ với Trung Quốc cùng một khu vực địa lý. Cả hai đều là hùm Á châu. Hai cạp có ở chung được một rừng chẳng ? Kẻ nói được, kẻ nói không. Kẻ nói được viện những lý do như thế này :

Một, cả hai đều đang dồn tất cả ưu tiên cho phát triển kinh tế, vì vậy cả hai đều mong hợp tác với nhau và với láng giềng trong hòa bình.

Hai, Trung Quốc cần tư bản, kỹ thuật của Nhật, và cần Nhật như một thị trường cho hàng hóa xuất khẩu của mình ; ngược lại, Nhật càng ngày càng lệ thuộc thị trường Trung Quốc, vừa để nhập hàng hóa cần dùng, vừa để xuất chế phẩm.

Ba, trao đổi nhân sự giữa hai nước càng ngày càng tăng. Hàng chục ngàn sinh viên Nhật sang thăm hoặc sang học tại Trung Quốc hàng năm. Hai chính phủ tích cực mở mang chương trình trao đổi. Dù thông cảm đôi bên chưa cao, tiếp xúc nhân sự vẫn có ảnh hưởng tốt.

Bốn, chẳng nước nào trong vùng Đông Á có lợi lộc gì để khêu gợi hiểm khích giữa Trung Quốc và Nhật. Cả Mỹ cũng vậy. Cả ông Bush nữa. Bài học vỡ lòng của ông là : phải biết chơi trò chơi thăng bằng giữa liên minh với Nhật và giao hảo với Bắc Kinh để cùng với cả hai duy trì hòa bình và ổn định trong vùng.

Kẻ không tin ở tương lai hợp tác suông sẽ như thế cũng có lắm lý lẽ để viện ra :

Một, từ ngày Liên Xô tan rã, trước mắt Nhật là khối Trung Quốc không lồ vươn mình lên như một cường quốc thế giới và như một đe dọa an ninh. Đe dọa trên cả hai mặt. Về quân sự, Nhật lo ngại trước quyết tâm gia tăng ngân sách quốc phòng của Bắc Kinh (17,7% trong những năm gần đây) cũng như trước nhiều hành vi xâm phạm lãnh hải, trong những vùng tranh chấp rất dễ gây xúc động. Trong 20 năm qua, Nhật đã đổ ra 23 tỷ Mỹ kim để giúp Trung Quốc phát triển, tạo cơ hội hòa giải căng thẳng giữa hai bên. Nay, Trung Quốc là cường quốc đang lên về kinh tế, còn Nhật lại gặp khó khăn trong chính lĩnh vực này, sự giúp đỡ về tiền bạc kém đi, lấy gì để lấp bằng hố ngăn cách ? Đe dọa thứ hai, bởi vậy, chính là về mặt kinh tế. Cán cân thương mại nghiêng về phía Trung Quốc, thặng dư lên đến 39% trong nửa năm đầu 2000 (9). Trong cạnh tranh kinh tế ráo riết hiện nay, Nhật tuy vẫn mạnh nhất nhưng đang ở thế đi xuống, Trung Quốc ở thế đi lên, chỉ chừng đó thôi cũng đủ tạo ra cảm giác đe dọa. An ninh, trước hết là cảm giác.

Lấy con mắt Trung Quốc mà nhìn thì đe dọa lại đến từ phía kia. Bắc Kinh nói : khả năng quân sự của Nhật gia tăng đáng ngại từ khi Nhật ký hiệp ước tăng cường liên minh với Mỹ năm 1996. Gần đây hơn nữa, thủ tướng Koizumi phô trương thanh thế hải quân trong Ấn Độ Dương để làm hậu thuẫn cho chiến tranh của Mỹ chống khủng bố. Ai đe dọa ai ? Ví thử một ngày kia tự ái dân tộc của Nhật bùng lên vì căn cứ của Mỹ ở Okinawa chẳng hạn, ví thử liên minh Mỹ-Nhật sút mẻ, ai dám quả quyết rằng Nhật không lấy lại tự do của một nước toàn vẹn chủ quyền để gạt qua một bên những hạn chế về quân sự do thất trận 1945 ép buộc ? Khó khăn kinh tế có thể là đầu mối của những phiêu lưu chính trị bất ngờ. Sau cả chục năm suy thoái kinh tế, sau nhiều lần thất bại về cải tổ chính trị, ai dám tin rằng thủ tướng Koizumi không thử tạo uy thế bằng cách ve vuốt tự hào dân tộc ?

Do đó, hai, hiểm nguy đến từ những vấn đề nội bộ trong hai nước. Trung Quốc thắc mắc : dư luận Nhật càng ngày càng tỏ ra có thiện cảm với lời nói mới, theo đó Nhật phải trở thành một nước " bình thường ". Thế nào là một nước " bình thường " ? Chính thức tái vũ trang bất chấp điều 9 của Hiến Pháp ? Xóa hẳn trong ký ức tập thể quá khứ xâm lược Trung Quốc ? Nhật chẳng còn tội lỗi tổ tông gì nữa để cứ phải hối cải, ăn năn mãi hoài ? Trung Quốc còn chất vấn : anh có hai hành động chạm vào vết đau dân tộc của tôi : một là ông Koizumi toan đến thăm đền thờ tử sĩ Yasukuni ngày 15-8-2001. Nhật vội vàng cãi : ô hay, đó là vấn đề nội bộ ! Trung Quốc hỏi : với ý đồ gì mà đi thăm ? ; thăm như vậy thì sẽ nói gì ? ; tại sao không để cho các linh hồn đó ngủ yên mà thức họ dậy ? Hành động thứ hai là sửa đổi lại sách giáo khoa về lịch sử thế chiến thứ hai. Để bôi bọ tội ác chiến tranh của anh phải không ? Gớm thật !

Tất nhiên là Nhật phải trả lời thôi. Trả lời thế này : lời nói của anh là lời nói phủ đầu. Chúng tôi lâu nay gặp toàn lãnh đạo yếu, chính trị khủng hoảng, may sao bây giờ bầu lên được ông Koizumi hấp dẫn, hợp lòng dân, ai cũng mừng rơn, chỉ có anh là không vui, cho rằng lãnh đạo lực lưỡng thế, chắc sẽ đưa đẩy Nhật đến chỗ thoát ra khỏi ảnh hưởng của Mỹ, đi chơi một mình. Mà này, anh không có quyền dạy luân lý cho tôi nữa, bởi vì dư luận trong nước tôi đã thay đổi cái nhìn về anh rồi, từ khi anh thiếu đạo đức trong nhiều vụ : nào Thiên An Môn, nào thí nghiệm hỏa tiễn đe dọa Nhật, nào biểu diễn sức mạnh bá quyền trên Biển Đông... Dân chúng nước tôi dần dần bớt thân Trung Quốc. Thế hệ thân Trung Quốc hoặc thân Đài Loan đã biến mất rồi trong giới chính trị Nhật ; giới chính trị hiện nay không còn thân phe này hay thân phe kia nữa mà lấy thái độ tùy chính sách. Quý vị ở Bắc Kinh đừng mơ tưởng nữa có thể giật dây họ (10).

Nhật nói thêm : Bắc Kinh và toàn bộ cơ sở tuyên truyền cứ kích động dân tộc chủ nghĩa để đạt những mục tiêu kinh tế, chiến lược. Trong mê hồn trận tuyên truyền đó, Nhật – và Mỹ – là nạn nhân chính. Sắp đến đại hội 16 của đảng cộng sản Trung Quốc, vấn đề bầu lại lãnh đạo đảng lại sắp đặt ra. Ví thử ông Giang Trạch Dân có muốn hòa hoãn để cộng tác chăng nữa, ông ấy vẫn phải ăn nói cứng rắn không thua gì các ông bảo thủ để ve vuốt tự ái dân tộc. Và cứ thế, chẳng lẽ dân Nhật chúng tôi suốt đời phải sụp lạy ăn năn mồn gối để được lòng Trung Quốc các anh ?

Nguy hiểm lắm, dư luận nội bộ trong hai nước là que diêm có thể đốt nhà, cháy rừng. Chỉ cần kinh tế đi xuống, đời sống khó khăn, cạnh tranh căng thẳng, chính trị gia kiểm hậu thuẫn là việc hâm nóng dư luận để biến thành vòng tròn luẩn quẩn đưa đến khủng hoảng.

### **3. Quan hệ Mỹ-Nhật.**

Nếu sợi dây ràng buộc Trung Quốc và Nhật là địa lý thì sợi dây ràng buộc Nhật và Mỹ là liên minh. Đó là " *bang giao tay đôi quan trọng nhất trên thế giới - không có ngoại lệ* ", nói theo lời thượng nghị sĩ Mansfield được lặp đi lặp lại từ hơn hai chục năm nay. Khởi thủy, liên minh này có mục đích bảo vệ Nhật chống lại một tấn công từ bên ngoài - kể cả tấn công nguyên tử. Mục đích ấy nay vẫn còn nguyên vẹn nhưng ý nghĩa có đổi thay : liên minh được xem như nòng cốt để giữ ổn định trong cả vùng, không riêng gì Nhật. Đối với Mỹ, ý nghĩa đó cực kỳ quan trọng. Duy trì hòa bình và ổn định trong vùng, điều này có nghĩa là phải sẵn sàng đối phó với những biến chuyển trong lĩnh vực quân sự để phòng ngừa khủng hoảng, phòng ngừa cả những khủng hoảng chưa xảy ra để tránh đừng xảy ra, và nếu nó xảy ra rồi thì kiểm soát nó, đừng cho nó vượt qua khỏi giai đoạn đầu tiên, đừng để nó đẩy đến tình trạng xấu hơn, nguy hiểm. Bởi vậy, nếu có khủng hoảng xảy ra chung quanh Nhật mà Nhật không phản ứng, phản ứng chậm chạp, hoặc bị trở ngại trong việc hợp tác phản ứng với Mỹ vì thiếu chuẩn bị, vì e ngại các nước láng giềng, vì phản đối của dư luận quân chúng, liên minh sẽ bị lung lay. Nói cách khác, từ vị thế một nước được bảo vệ, Mỹ muốn Nhật bước lên vị thế một nước bảo vệ, bảo vệ một trật tự mà Mỹ muốn an bài, dưới sự lãnh đạo của Mỹ, tất nhiên. Nhật không có quyền khiêm tốn, nhún nhường nữa, Nhật phải bình đẳng, phải " *bình đẳng hơn* ". Ở Á châu cũng như ở Âu châu, Mỹ đều khôn ngoan thúc đẩy đồng minh tăng cường lực lượng để vừa ép họ đưa vai ra đỡ gánh nặng, vừa xác nhận lại vai trò lãnh đạo của mình. Cụ thể hơn nữa, Mỹ dựa trên liên minh để vừa hợp tác với Trung Quốc vừa khống chế Bắc Kinh. Trong mục đích đó, ông Clinton đã sang Nhật tháng tư năm 1996 và đã ký với Nhật một tuyên bố chung nhằm tăng cường liên minh trong thời bình, trong những giai đoạn căng thẳng cũng như trong khủng hoảng. Hiệp ước tăng cường liên minh 1996 là một bước tiến trong việc thúc đẩy Nhật " *bình đẳng hơn* " với Mỹ.

Trong bụng, Trung Quốc nào có muốn Mỹ rút quân để tạo cơ hội cho Nhật tái vũ trang thực sự. Có điều là liên minh 1996 chấp nhận cho Nhật một trách nhiệm rất lớn về quân sự và nói rộng lĩnh vực can thiệp ra đến toàn khắp Á châu-Thái Bình Dương, nghĩa là gồm cả Đài Loan. Điều đó vừa chọc tức Bắc Kinh vừa làm Bắc Kinh quan ngại về những biến chuyển có

thể xảy ra. Chưa kể thỏa thuận 1996 được tung ra sau khi Trung Quốc rầm rộ mở chiến dịch thao diễn hăm dọa trên eo biển Đài Loan. Mỹ muốn gì ? Muốn gì mà cùng trong năm 1996 cũng tăng cường hợp tác quân sự với Úc ? Hai mặt trận diễn ra cùng trong một thời điểm trên Á châu-Thái Bình Dương ắt không phải là vô cớ : ấy là hai cái cang của đang kẹp vào Trung Quốc đấy ! Nhìn xa thêm một chút nữa, NATO đang mở cửa cho các nước Đông Âu. Ấy, Hoa Kỳ đang bành trướng một " thế trận tổng quát trên hai đại dương " , trên biển Thái Bình thì ngăn đê Trung Quốc, trên biển Đại Tây thì ngăn đê nước Nga, cả hai nhằm cùng cố thống trị của Hoa Kỳ trên toàn thế giới (11)..

Đó là phân tích của các tác giả Trung Quốc về ý đồ của Mỹ. Còn ý đồ của Nhật thì sao ? Nhật có vượt qua được những ngăn ngại cố hữu để thực hiện liên minh tăng cường ? Như con khi nằm bẹp dưới năm ngón tay Ngũ Hành Sơn, Nhật loay hoay cát đầu chưa nổi dưới cái vung của ba cản trở : hiến pháp, chính trị, tâm lý, trong đó tâm lý là chính. Điều 9 hiến pháp cấm Nhật có một quân đội với đúng nghĩa của nó. Muốn sửa đổi hiến pháp, phải hội được đa số 2/3 trong hai Viện, nghĩa là lãnh đạo chính trị phải cừ khôi và phải quyết tâm. Nhưng dù lãnh đạo cừ khôi mà tâm lý dân chúng vẫn chuộng hòa như từ trước đến nay thì ba đầu sáu tay cũng thôi. Tháng 6 năm 1998, dư luận quốc tế xôn xao diễn dịch sự việc Clinton thăm viếng Bắc Kinh mà không ghé chân qua Nhật. Chẳng những thế, trước mặt một Giang Trạch Dân hãnh tiến về thành tích kinh tế của Trung Quốc, ông còn chỉ trích Nhật đã thiếu đóng góp vào việc tiếp sức cho kinh tế Á châu trong cơn khủng hoảng và đã bắt lặc trong việc chấn chỉnh bộ máy chính trị . Mỹ nóng ruột chờ đợi nơi Nhật một ý muốn chính trị để liên minh 1996 không phải là hò hẹn suông.

Bỗng dung trên trời rớt xuống một ông Koizumi ! Tân thời ! Hấp dẫn ! Thủ tướng mới, tấn phong tháng tư năm 2001, tuyên bố một câu xanh rờn : " Chúng ta phải chấm dứt việc chụp mũ những người phát biểu ý kiến tu chính điều 9 như là điều hâu hoặc thiên hữu " Điều 9 " không còn phản ánh thực tế nữa " (12). Một câu khác không kém gân guốc : những nguyên tắc phòng thủ vạch ra năm 1996 phải được xem như là cái " nền " từ đó dựng lên hợp tác phòng thủ song phương chứ không phải cái " trần nhà " hạn chế hợp tác. Mỹ bằng lòng lắm. Dân Nhật vẫn hiếu hòa, nhưng " giới chính trị thì không " , tờ *New York Times* viết như thế mới đây dưới hàng tit lớn : " *Japan is rethinking its non-nuclear status* " (13).

Nhưng Mỹ chờ đợi gì cụ thể nơi Nhật ? Nhật có thể đóng góp đến mức nào cao hơn mức độ hiện tại vào phòng thủ chung ? Làm thế nào thực hiện một liên minh tăng cường mà dư luận nội bộ trong hai nước chấp nhận ? Và trên hết, làm thế nào tăng cường vai trò của Nhật trong liên minh mà không gây phản ứng đối nghịch nơi Bắc Kinh ? Vấn đề càng ngày càng khó xử vì Trung Quốc không những càng ngày càng mạnh mà còn càng ngày càng đa nghi. Ấy thế mà chưa bao giờ, Nhật lắc đầu, chưa bao giờ có đối thoại thực sự sâu rộng giữa hai bên trong liên minh về những câu hỏi nêu trên. Mà làm sao có một đối thoại như vậy được ! Có ai biết ai thực sự nghĩ gì trong đầu đầu ! Đài Loan là cái ngòi thuốc nổ. Vậy mà có ai biết ai nghĩ gì tới hậu về Đài Loan !

Khi ông Bush lên chức tổng thống, dư luận nghĩ rằng quan hệ Mỹ-Nhật sẽ tốt hơn nữa. Nhưng dù với ông tổng thống nào, một khúc mắc lớn vẫn phải gỡ, và vẫn cứ khúc mắc đó : dân tộc chủ nghĩa. Thế giới vừa mới chóng mặt trước uy vũ của chủ nghĩa dân tộc Mỹ sau ngày 11-9. Về ngoại giao, về cách can thiệp quân sự từ chiến tranh Vùng Vịnh đến nay, chính sách của Mỹ, dù đối với cả đồng minh, vẫn luôn luôn nghĩ đến quyền lợi của Mỹ trên hết. Lãnh đạo trịch thượng như thế, có đồng minh nào ngoan ngoãn đi theo đuôi trong một khủng hoảng liên can đến chính vận mệnh của mình ? Ép quá thì nổ. Huống hồ ngày nay, với khuynh hướng biến Nhật thành một nước " bình thường " , có gì đáng ngạc nhiên nếu dư luận Nhật đòi hỏi tôn trọng độc lập, phẩm giá quốc gia ? Căn cứ Mỹ ở Okinawa sẽ còn là thí điểm của va chạm giữa tự ái dân tộc và nhu cầu chiến lược.

Tất cả những yếu tố nói trên cắt nghĩa tại sao Nhật có khuynh hướng tìm giải pháp an ninh đa phương để thay thế cho an ninh song phương. Trong vùng châu Á-Thái Bình Dương,



giải pháp này có lợi là tránh cho Nhật khỏi chạm trán trực tiếp với Trung Quốc. Trong mục đích đó, các tổ chức vùng ở Đông Nam Á châu, đặc biệt là ASEAN, chiếm quan tâm của Nhật, ngược với Trung Quốc cho đến gần đây. vẫn ngờ vực quan hệ đa phương, thăng tiến quan hệ song phương. Nhưng ASEAN có còn đủ mạnh để leo lái trò chơi đa phương như trước nữa không ? Trước một Trung Quốc đi lên và một ASEAN đi xuống, khi nào Trung Quốc chơi trò đa phương, khi nào Trung Quốc chơi trò song phương ? Trong quan hệ giữa Mỹ, Nhật, Trung Quốc và ASEAN, đáng nói hơn hết vẫn là trò chơi của Trung Quốc so với Nhật, cũng đang đi xuống.

## II. Quan hệ tay tư : đa phương và song phương.

Nói " quan hệ tay tư " cho oai , chứ làm sao ASEAN đứng ngang hàng với ba ông bự ? Huống hồ các nước Đông Nam Á đã mất đà đi lên từ sau khủng hoảng kinh tế và chính ASEAN phải đương đầu với nhiều khủng hoảng nội bộ trầm trọng ?

Khủng hoảng thứ nhất liên quan đến lòng tin. " Phép lạ Á châu " hết thiêng ! Đầu tư bên ngoài từ 22 tỷ đô la năm 1997 sụt xuống 13 tỷ năm 1999 rồi ngoi lên 15 tỷ năm 2000 (14). Các nước thành viên thấy mình trở thành kẻ cầu lụy. Toàn cầu hóa, từ vai trò phục vụ cho phồn vinh, trở thành chủ nhân ông, hăm chủ quyền kinh tế, phá ổn định chính trị, chặn phát triển của tổ chức. "Mô hình phát triển ASEAN " , đang được đề cao như một kinh nghiệm tổ chức vùng thành công, trở thành tấm bia hứng bao nhiêu mũi tên chỉ trích : tham nhũng, mờ ám, đầu cơ, móc ngoặc... Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế không cho vay nếu ai đó không áp dụng thánh kinh của họ. Hạch sách, yêu sách đủ điều từ các thể lực khác nữa bên ngoài, vậy mà, ôi thôi, các nước ASEAN cạnh tranh nhau ráo riết hơn bao giờ cả trong chiến trận giá cả và chiêu lụy khách hàng, gác liên đới tập thể qua một số.

Mô hình chính trị nội bộ cũng bị lay chuyển, nhất là ở Thái lan, Indonesia. Xáo trộn đe dọa từ xã hội đến cơ cấu quốc gia : xã hội công dân phản ứng trước những bất công lâu ngày bị đè nén, tập đoàn tôn giáo quá khích thổi bùng ngọn lửa hận thù, tự trị địa phương đột phá thành trì kiên cố của tập quyền trung ương, Timor, Mindanao, Aceh, Irian Jaya phát cao ngọn cờ tự trị, Đông Timor bỗng biến thành quốc gia độc lập, có ai ngờ được không ? Một trong những quan tâm của ASEAN lúc thành lập là cùng nhau bảo vệ thành trì quốc gia, hòa nhập các chủng tộc chung sống trên cùng lãnh thổ, ngăn ngừa các lực lượng ly tâm, ly khai. Vậy mà cả tổ chức bất lực từ đầu đến đuôi trước biến chuyển Timor !

Khủng hoảng thứ hai, do đó, là khủng hoảng định chế tập thể. Khi thành công, thế giới trở mắt nhìn " kiểu mẫu ASEAN " - " *ASEAN Way* " - về tổ chức khu vực : khác với Âu châu, đây là cách thức khu vực hóa bằng hành động, không phải bằng luật pháp. ASEAN sáng chế ra " biện pháp nổi ", nghĩa là bênh bồng trên mặt nước, *floating*, học làm quen đời sống tập thể bằng kinh nghiệm, bằng quan hệ cá nhân, bằng tiếp xúc, gặp gỡ giữa lãnh đạo, tránh những hình thức, quy chế gò bó, trói buộc. ASEAN là một câu lạc bộ với đúng nghĩa của nó nghĩa là gồm những thành phần tin cậy lẫn nhau, mở ra một không gian trao đổi " rộng thoáng và huynh đệ " . Mẫu mực khu vực hóa đó, có lợi trong giai đoạn đầu của phát triển chính trị trong các nước thành viên, có thể không còn thích hợp nữa ngày nay, khi phải đối phó với toàn cầu hóa, với những thể lực bên ngoài tấn công, chia rẽ đoàn kết bên trong.

Tính chất kỹ thuật của hợp tác lại càng buộc ASEAN phải suy nghĩ về cách tổ chức lại định chế cho thích hợp với sự phát triển của chính mình. Với 29 ủy ban gồm công chức cao cấp và 122 tổ làm việc kỹ thuật, chẳng lẽ ASEAN cứ dừng lại ở giai đoạn bày tỏ thiện chí và quyết định theo nhất trí ? Nguyên tắc nhất trí có còn thích hợp chăng để giải quyết những vấn đề kỹ thuật trong những lĩnh vực càng ngày càng phức tạp như thương thuyết về thương mại (15) ? Tổng thư ký ASEAN không có quyền hành gì. Cho đến 1997, ít quyết định của ASEAN có hậu quả trực tiếp trên chính sách của các thành viên. Lửa tiếp tục phá rừng ở Indonesia và bay khói qua các nước lân cận, các tổ chức chuyên môn của ASEAN và kể cả tổng thư ký không có đủ thẩm quyền để giải quyết vấn đề tận gốc, nghĩa là tận các công ty

lâm sản khai thác rừng, công cò với chính quyền liên hệ Trong thành công, ASEAN đã tăng gia gấp gáp : khoảng 320 buổi họp mỗi năm. Nhưng họp nhiều không có nghĩa là hiệu quả cũng tăng theo. Trao đổi thông tin và đề nghị là chuyện hay, nhưng áp dụng lại là chuyện khác. Có nên chăng các nước thành viên nhượng bớt một phần chủ quyền để tăng hiệu quả của tổ chức chung trong thời đại toàn cầu hóa ? Câu hỏi đã đưa đến nhiều ý kiến khác nhau, và chắc còn lâu mới có câu trả lời chung, tuy rằng lác đác cũng xuất hiện vài sáng kiến, chẳng hạn việc thành lập bộ tam đa gồm 3 bộ trưởng ngoại giao để quyết định lấy chung một hành động khi một khủng hoảng nội bộ xảy ra gây ảnh hưởng trên cả khu vực. Nhưng đừng tưởng rằng đây là một định chế siêu quốc gia : bộ tam đa phải được sự đồng thuận của 10 bộ trưởng trước khi làm một hành động gì.

Khủng hoảng thứ ba liên quan đến uy tín của ASEAN. Không phải bỗng dưng mà Thái Lan đề nghị áp dụng mềm dẻo nguyên tắc cấm không được xâm lấn vào nội bộ của nhau. Ngay khi thương lượng để Cẩm Pu Chia tham gia tổ chức (1998-99), Thái Lan, Phi Luật Tân và cả Singapore đòi hỏi Hun Sen phải có những bảo đảm về hiến pháp để quyền hành được ... thăng bằng. Nhưng đó là Hun Sen và Sihanouk ! Đến khi thế giới lên án tập đoàn các tướng lĩnh cầm quyền ở Miến Điện thì vấn đề thâm nạp nước này trở thành nhức óc vì đề nghị của Thái Lan không còn giá trị nữa (16). Bên ngoài chào xáo : " ASEAN là câu lạc bộ của các tay độc tài ". Ai nói mặc ai, không xâm lấn vào nội bộ của nhau. Cho nên khi Indonesia lâm nguy trong khủng hoảng kinh tế, chẳng nước nào giúp một ngón tay, chỉ cốt tránh vạ lây như tránh hủi. Khi Timor ly khai cũng thế, chẳng ai động tĩnh. Bão tố xảy ra trong nước lớn nhất của ASEAN, nước cơ sở của hợp tác, nước đầu đàn, liên quan đến một vấn đề sống chết chung, vậy mà ASEAN dờ ra, như cái xác không hồn. Thái Lan, Phi Luật Tân, Singapore có đề nghị tham gia vào lĩnh vực nhân đạo và kỹ thuật của Interfer (lực lượng quốc tế tại Timor), nhưng đây là tham gia cá nhân, không nhân danh ASEAN vì tổ chức này không có cấu trúc quân sự, cũng chẳng có cơ chế giải quyết tranh chấp. Bảo rằng ASEAN không can thiệp vào nội bộ của nhau ? Thế thì ASEAN đành nhắm mắt để khỏi nhìn bên ngoài can thiệp vào nội bộ của một nước cơ sở chẳng ?

Từ bốn năm nay, ASEAN trở thành cái bóng mờ của chính mình ngày trước trong các tổ chức và hội họp quốc tế, dù tại hội nghị thượng đỉnh Á-Âu ở Luân Đôn (tháng 4-1998), tại hội nghị thượng đỉnh APEC ở Kuala Lumpur (1998), ở Auckland (1999), hay với các đối tác khác. ASEAN không đủ sức đối trị ba cường quốc bên ngoài, ngược lại trở thành trò chơi thăng bằng lực lượng giữa họ với nhau trên đầu mình. Trước đây, Mã Lai tuyên bố một câu hào khí ngất trời : "*ASEAN định đoạt lịch hẹn hò chứ không chạy theo hò hẹn*". Ngày nay, ngồi trước máy điện thoại để hẹn hò với thế kỷ 21, ASEAN phải suy nghĩ lại hết : vai trò của nhà nước, vai trò của thị trường, vai trò của xã hội công dân trong mỗi nước cũng như trong tổ chức chung.

Trên đây là những chỉ trích từ bên ngoài. Có thể ASEAN sẽ phản bác lại : nếu ASEAN suy yếu đến thế, tại sao có thể lan rộng ra đến Đông Bắc Á, đón nhận hợp tác của ba đối tác khu vực quan trọng khác, Trung Quốc, Nhật và Nam Hàn ? ASEAN + 3 này có một tương lai, một lịch trình làm việc và những hò hẹn phần khởi. Nhưng đây lại cũng chính là một duyên cớ nữa để ASEAN suy nghĩ về những cái tổ nội bộ cần thiết và để mỗi nước thành viên từ bỏ những yếu kém khiến mình không đủ mạnh để chơi cho hay trò chơi tập thể.

Một ASEAN suy yếu như vậy chịu hậu quả gì trong quan hệ với ba cường quốc quen thuộc ?

Trước hết, đối với Mỹ. Từ 1990, kinh tế khu vực bắt đầu lớn mạnh do những lực lượng đầu tư và trao đổi tăng lên nhiều giữa những nước trong vùng với nhau, nhờ đó mà làm giảm bớt sự lệ thuộc vào Mỹ. Khủng hoảng 1997 làm khựng lại những trao đổi đó khiến Mỹ chiếm lại được vị thế ưu tiên của kẻ cung cấp tư bản và đầu tư, hoặc ít ra của tay trọng tài, dùng khủng hoảng để bắt chẹt, để áp đặt những biện pháp cải cách trước đó đã bị từ khước. Nhiều nước chỉ trích Mỹ đã ngăn cản việc tìm kiếm những giải pháp khác có thể thích hợp.

với quân bình xã hội nội bộ hơn là giải pháp tự do quá trớn ; Thái Lan, Phi Luật Tân, Indonesia bất mãn trước những gò ép của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế. Ngay cả Singapore cũng e ngại những xáo trộn xã hội có thể xảy ra làm mối cho các nhóm hồi giáo quá khích kích động quần chúng bên kia biên giới với hai nước láng giềng. Nói chung, ngay cả đồng minh của Mỹ cũng than phiền thái độ lãnh đạo của Mỹ, chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng, thiếu quan tâm đến những hoàn cảnh phức tạp địa phương.

Chỉ trích như vậy mà vẫn cầu viện Mỹ hơn bao giờ hết. Về kinh tế đã đành. Về chiến lược, nhu cầu xác nhận đảm bảo an ninh của Mỹ cũng tăng gia. Cụ thể : thao diễn Cobra Gold với Thái Lan, tập dượt phòng không với Singapore và Úc, liên lạc chặt chẽ với Brunei, Mã Lai và Indonesia, thăm viếng của bộ trưởng quốc phòng Singapore Tony Tan ở Hoa Thịnh Đốn, thăm viếng của bộ trưởng quốc phòng Mỹ William Cohen và của các đô đốc tư lệnh hạm đội 7 ở nhiều nước trong vùng, đề nghị của Phi Luật Tân dục Mỹ can thiệp ngăn Trung Quốc gặm nhắm từng hòn đảo trong Biển Đông, hiệp ước phòng thủ giữa Thái Lan, Phi Luật Tân và Singapore... tất cả những sự kiện cụ thể đó diễn ra như để xác nhận lại tấm lòng son sắt , bèn gan của Mỹ ở Đông Nam Á. Trừ một chuyện thôi, chuyện can thiệp ở Biển Đông mà Mỹ vẫn giữ nguyên lập trường là không thể thốt gì cả ! Singapore là nước cổ võ mạnh nhất cho sự hiện diện của Mỹ. Thông qua hiệp ước ký kết năm 1990 và những văn kiện bổ túc sau đó, Singapore hiến trú địa cho Ban Chỉ Huy Hậu Cần của hạm đội 7 ; cho phép máy bay chiến đấu của Mỹ luân phiên mượn sân bay ; cho phép hải quân Mỹ mượn căn cứ Changi. Phi Luật Tân, sau khi mời Mỹ ra đi, lại mời Mỹ trở về : cho phép quân đội Mỹ sử dụng căn cứ địa phương với hiệp ước 1999, trù liệu tham dự hành quân chung, tiếp đón quân đội Mỹ đến huấn luyện phương cách chống khủng bố...

Nhu cầu xác nhận bảo đảm an ninh của Mỹ đi song song với nhu cầu giao hảo với Trung Quốc. Trước một Nhật Bản sa sút về kinh tế, Trung Quốc nghiêm nhiên chiếm thế thượng phong. Nước nào cũng tìm cách quan hệ chặt chẽ hơn nữa với Trung Quốc : bang giao trong vùng chủ yếu trở thành bang giao với Bắc Kinh. Cho đến 1997, Trung Quốc ngại ASEAN nghiêng về phía Mỹ-Nhật để bao vây Trung Quốc trong chiến lược ngăn dề của Mỹ. Điều mà Trung Quốc đòi hỏi để hợp tác là ASEAN phải có một thái độ độc lập. Bây giờ Trung Quốc khỏi lo : một số nước trong ASEAN (Singapore, Phi Luật Tân, Mã Lai) còn tìm nơi Trung Quốc một đôi trọng để chống lại áp lực của Tây phương và " thống trị " của Mỹ. Bắc Kinh tán dương khuynh hướng đó. Cụ thể, bộ trưởng ngoại giao Bắc Kinh công du Singapore tháng 11 năm 1998. Dưới mắt ASEAN, Trung Quốc vẫn khoác hai bộ mặt - ổn định và đe dọa - nhưng sau 1997, bộ mặt đe dọa khuất sau bộ mặt của một cường quốc nắm vận mạng ổn định của cả khu vực trong tay. Trung Quốc lại rất khôn khéo trình bày bộ mặt nhu hòa của một cường quốc vô hại - trừ khi có kẻ nhúng chân vào Biển Đông mà ông xem như hồ tắm riêng. Ngoại trừ chút đỉnh phiền toái đó, Trung Quốc luôn luôn chứng tỏ rằng xây dựng kinh tế là quan tâm ưu tiên của ông, cho nên ông cần hòa bình và ổn định trong vùng như các nước ASEAN vậy. Mua thời gian, ông không muốn gây hấn với Tây phương vì chính ông đang cần Tây phương ủng hộ để vào Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế. Khủng hoảng kinh tế thổi ASEAN vào sức hút của Trung Quốc. Ông hút luôn cả Mỹ, thổi Nhật vào xô vỡ đài. Tháng 6 năm 1998, Clinton thăm Bắc Kinh mà không ghé Tokyo. Tháng tư năm ấy, thủ tướng Chu Dung Cơ được tiếp đón nồng hậu tại hội nghị thượng đỉnh ASEM. Nhật muốn trở thành một nước " bình thường " , nhưng Trung Quốc không muốn thế, Hàn Quốc không muốn thế, các nước Đông Nam Á cũng chẳng muốn gì.

Tóm lại, dù cho mỗi nước trong ASEAN có thể có cái nhìn riêng biệt đối với một trong ba ông bự, thái độ tập thể của ASEAN tập trung trên một nhu cầu chung : ổn định, tránh tranh chấp, nhất là ở hai vùng dễ nổ, Triều Tiên và Đài Loan. Ai cũng đồng ý với ai : sự ổn định đó chỉ có thể dựa trên quân bình lực lượng giữa ba cường quốc bên ngoài. Vấn đề là chìa khóa của ổn định không nằm trong tay ASEAN nữa mà nằm chính nơi quan hệ bất trắc giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong quan hệ vốn đã bất trắc đó, tình trạng ở Đông Nam Á chỉ có thể

mang lại thêm bất trắc mà thôi. Tại sao ? Tại vì quan ở xa mà bản nha thì gần : Trung Quốc nắm trong tay cả hai chìa khóa : mở cửa ổn định là ông, mà mở cửa bất trắc trong vùng cũng là ông. Hãy lấy một ví dụ tiêu biểu thôi và bàn kỹ dưới đây: thái độ của ông về an ninh tập thể do ASEAN khởi xướng từ 1994, lúc còn sung sức.

Ai cũng biết : Bắc Kinh luôn luôn đặt nặng quan hệ song phương, vừa có lợi cho nước lớn, vừa tránh can thiệp của Mỹ. Ai cũng biết : chính sách của Mỹ là hội nhập Trung Quốc vào những tổ chức đa phương, hoặc quốc tế (LHQ, TCTMQT) hoặc khu vực. Mỹ nghĩ rằng mình có sức trôi voi vào rọ, hội nhập voi trên rừng vào thế giới văn minh của mục súc chung quanh người (17). Đó là chuyện của ông khổng lồ với ông khổng lồ. Riêng các chú bé sống ngay ven rừng, đương nhiên các chú phải sợ voi chứ, và đương nhiên các chú muốn sống với voi hiền hơn là voi dữ. Ai làm voi hiền, đương nhiên các chú hưởng ứng ; ai chọc voi dữ, đương nhiên các chú phản đối. Ở thế của nước nhỏ, đương nhiên có ai dám chơi tay đôi với Trung Quốc, đương nhiên phải tìm thế thăng bằng, hoặc thăng bằng tiêu cực, nghĩa là thăng bằng giữa các nước lớn với nhau, hoặc thăng bằng tích cực, nghĩa là biến mình thành một trong những sức mạnh. Đó là tham vọng của ASEAN năm 1994 khi thành lập ARF (ASEAN Regional Forum) để bàn bạc về vấn đề an ninh trong vùng. Ấy, bàn tay của Mỹ chẳng ? Ấy, âm mưu lừa Trung Quốc vào cái bẫy an ninh đa phương chẳng ? Lập tức Trung Quốc tin như thế. Y như hồi chưa cải cách kinh tế, Trung Quốc đã tin rằng chủ thuyết kinh tế lệ thuộc hỗ tương là cái bẫy để lừa Trung Quốc vào hợp tác kinh tế đa phương.

Từ thắng lợi kinh tế mà đi lên, Trung Quốc tuyên bố : hợp tác về kinh tế là đảm bảo tốt nhất cho an ninh, không cần thêm thất quân sự gì nữa. Các bạn cần bằng cứ chẳng ? Thi đây, thiện chí hòa bình của tôi đây chẳng phải đặt ưu tiên trên mở mang kinh tế đó sao ? Cho nên Trung Quốc gia nhập Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) từ 1991 nhưng nhất quyết chống lại việc đưa những vấn đề chính trị và an ninh vào thảo luận của APEC. Ông lấy cớ Đài Loan : Đài Loan là thành viên của APEC nhưng không có tư cách để tham dự vào những thảo luận chính trị và chiến lược. Sự thực, ông không muốn những nước khác (Mỹ dĩ nhiên) dùng áp lực kinh tế để buộc Trung Quốc nhượng bộ về chính trị, an ninh. Dưới mắt Bắc Kinh, APEC là khí cụ của Clinton để tăng cường sự tham gia về kinh tế của Mỹ ở Á châu, khu vực đang phát triển mạnh nhất lúc đó, và đề cử cố lãnh đạo của Mỹ bằng cách nối kết kinh tế với chính trị, quân sự. Chẳng thế tại sao Clinton xướng ra khái niệm "*tân cộng đồng Thái Bình Dương*" ?

Thế nhưng, mặt khác, ngoại giao của Trung Quốc rất thực tế, thực tiễn. Phân tích khái niệm "*tân cộng đồng Thái Bình Dương*" , các tác giả Trung Quốc nhận thấy tiến công của Clinton nặng về chính trị hơn quân sự. "*Tân cộng đồng*" có nghĩa là cộng đồng những nước dân chủ, lấy giá trị dân chủ của Mỹ làm tiêu chuẩn. Bởi vậy, cùng lúc tiến công vào thị trường Á châu, Clinton mở chiến dịch nhân quyền đánh róc vào Trung Quốc. Nhưng đánh với cái gậy đó thì ông Clinton đập luôn vào lưng đồng minh của ông trong ASEAN ! Thế là dây lên phản ứng " giá trị Á châu " lừng lẫy một thời. Ai dám bảo các nước ASEAN ngoan ngoãn nhận làm chư hầu của Mỹ ? Ngược lại ấy chứ, bởi vì sáng kiến thành lập ARF phát khởi từ ý muốn độc lập, tự chủ của một ASEAN đang bay lên, nghĩ mình có thể dựng lên một khoảng cách bằng nhau giữa ba ông lớn. Vậy thì tại sao Trung Quốc không vào ARF để tranh dành ngang ngửa với Mỹ ảnh hưởng trong tổ chức đa phương này ? Các tác giả Trung Quốc vạch ra ba lý do để Trung Quốc tham gia : " thực hiện hòa bình và yên ổn ở ngoại vi Trung Quốc ; giải quyết những tranh chấp lãnh thổ có lợi cho Trung Quốc ; chiếm một vị thế trong cấu trúc chiến lược không kém hơn các cường quốc khác ". Đó là thời gian mà ASEAN đang mạnh, đang tạo thành một cực, đang được nhận như một khối lực lượng tạo thăng bằng, một *balancer*. Trong chiều hướng đi lên như vậy của kinh tế, Trung Quốc và ASEAN chia sẻ với nhau một lợi ích chung : duy trì hòa bình, ổn định để ai cũng có thể tiếp tục phát triển kinh tế. Ôi thôi, điều kiện thuận lợi đó tiêu rồi sau khủng hoảng 1997, ASEAN mất vị thế *balancer*, mất uy lực để định nghĩa thế nào là " hòa bình " , thế nào là " ổn định ". Quyền của kẻ mạnh

chính là quyền định nghĩa, và Trung Quốc đã định nghĩa theo cách của Trung Quốc : tăng ngân sách quân sự, tăng cường lực lượng can thiệp thần tốc, chiếm Mischief, gặm nhấm từng hòn đảo trong Trường Sa, dùi mài chiến lược chiến tranh hạn chế, chiến tranh địa phương, với kỹ thuật cực kỳ tân tiến. Nghĩa là gì ? Nghĩa là Trung Quốc định nghĩa tranh chấp lãnh thổ trong khu vực là nguồn gốc chính của những tranh chấp sắp tới. Ông tăng ngân sách quân sự thế kia, thế tất các nước chung quanh phải sợ, phải tăng theo. Đây là phát triển kinh tế ưu tiên ? Đây là " ổn định " ? Ông làm người ta sợ, tất cái sợ đó phải có tên : tên nó là " đe dọa Trung Quốc ". Các tác giả Trung Quốc cãi : chẳng phải tấn công đâu, " phòng thủ tích cực " đấy ! Họ bảo chiến lược đó đứng trên hai chân như ai mà chẳng đứng như vậy : một chân bám vào khả năng ngăn đe, làm người khác sợ mà không cần đánh ai ; một chân tựa trên bang giao hữu nghị, làm người khác đừng sợ và đừng ai tấn công mình. Thế chẳng phải là " hòa bình " sao ? Biện chứng là nghề của chàng : " Vừa tối tân lực lượng phòng thủ với một nhịp độ thích ứng , Trung Quốc vừa ủng hộ một cấu trúc hợp tác trong lĩnh vực an ninh vùng để tăng cường sự tin tưởng lẫn nhau giữa các nước Á châu-Thái Bình Dương " (18). Như thế là góp phần tích cực vào việc thực hiện khái niệm " an ninh hợp tác " (sécurité coopérative theo tiếng Pháp) đang được triển khai trong khu vực để tăng cường chính sách đa phương. Tất nhiên " an ninh hợp tác " được diễn dịch cho hợp với lập trường cố hữu của Trung Quốc về đối thoại đa phương, nghĩa là phải áp dụng hạn chế : không xen vào nội bộ, tự nguyện, gạt bỏ những định chế rõ ràng, trói buộc, thay thế bằng đối thoại, hiệp thương. " An ninh hợp tác ", như vậy, đối lập với " an ninh cộng đồng " (sécurité collective) vốn là khái niệm của Mỹ từ nguyên thủy. Đối lập ở chỗ nào ? Ở chỗ " nguyên tắc của hợp tác về an ninh là không nhằm chống lại một nước thứ ba " (19). Bởi vậy ai nói " đe dọa Trung Quốc " là láo lếu quá ! Là trái với " hợp tác an ninh " ! Là còn mang nặng đầu óc của chiến tranh lạnh ! Ấy, liên minh Mỹ-Nhật 1996 là thế đấy : liên minh để chống Trung Quốc thì đâu là hợp tác đa phương ?

Còn hai điều nữa đáng nói thêm trong lý thuyết mới của Trung Quốc về an ninh. Một, là đưa ra bộ mặt hòa hiếu về hợp tác. Rất nhuần nhuyễn với các lý thuyết Tây phương về bang giao quốc tế, các tác giả Trung Quốc đối lập trò chơi một được một mất (zero sum game) của chính sách liên minh với trò chơi ai cũng được cả (positive sum game) của chính sách " an ninh hợp tác ". Họ hô hào : hợp tác phải thay thế tranh chấp ; hiệp thương thay thế đốp chác ; hành động đa phương thay thế hành động đơn phương kiểu Mỹ. Trung Quốc tán dương " tinh thần ASEAN " chuộng nhất trí, thảo luận cho đến khi nào đạt được đồng thuận. Trung Quốc tán dương không kém khái niệm " an ninh kinh tế " để chống lại những ảnh hưởng tiêu cực của toàn cầu hóa mà Á châu vừa ném mùi qua kinh nghiệm 1997. Chưa hết, bộ mặt hòa hiếu của Trung Quốc còn được chứng tỏ qua thỏa hiệp hợp tác về biên giới ký năm 1996 và 1997 với Nga và ba nước Trung Á trong Liên bang xô viết cũ, Kazakhstan, Tadjikistan, Kirghizstan. Bộ trưởng ngoại giao Tiền Kỳ Thâm tuyên bố : " Thỏa ước này, thay vì nhằm chống lại một nước thứ ba, đặt nặng giá trị trên tình hữu nghị, hòa hiếu lân bang, phát triển tin tưởng chính trị " (20). Ông còn gợi ý cho ARF khuyến khích các thành viên phỏng theo mô hình này của Trung Quốc để xử sự song phương với nhau (21). Ông cũng không quên tán dương một lần nữa những nguyên tắc chỉ đạo đặc thù của ASEAN trong đó có những tiếp xúc ở mức độ không chính thức kiểu *Track II*. Tất cả những ý tưởng mới đó về an ninh được đưa vào diễn văn chính thức như diễn văn của bộ trưởng Đường Gia Triền tại hội nghị thượng đỉnh ARF tháng 7-1998 và của cả Giang Trạch Dân tại hội nghị giảm trừ binh bị ở Genève tháng 3-1999. Thấy chưa, Trung Quốc hòa hiếu chứ đâu có như anh bầy Ấn Độ huênh hoang thử khí giới nguyên tử mùa hè năm trước !

Điểm thứ hai đáng nói là xin đừng ai quên cả : tất cả những ý mới vừa nói ở trên không áp dụng cho những tranh chấp về lãnh thổ. Ngay trong diễn văn của Tiền Kỳ Thâm năm 1994, trong buổi họp đầu tiên của ARF, khi Trung Quốc chấp nhận thảo luận đa phương về an ninh, ông ấy đã bác bỏ thẳng tay nguyên tắc thành lập những nhóm thảo luận về vấn đề tranh chấp lãnh thổ, lĩnh vực mà Bắc Kinh dứt khoát dành cho đàm phán song phương. Tháng 2

năm 1995, Trung Quốc xây dựng cơ sở quân sự trên chòm đá Mischief mà Phi Luật tân tuyên bố thuộc chủ quyền của mình. Sau một thời gian do dự, ASEAN nhất loạt chỉ trích Trung Quốc trong một buổi thảo luận cấp bộ trưởng ở Hàng Châu tháng tư năm ấy. Những gì xảy ra sau đó, ai theo dõi tranh chấp ở Biển Đông đều chưa quên : Trung Quốc ban hành luật về lãnh hải năm 1996 nói rộng vùng chủ quyền trên hai triệu cây số vuông ; Trung Quốc bày binh bố trận trên eo biển Đài Loan trong lúc Đài Loan bầu cử tổng thống và sau khi Mỹ-Nhật ký liên minh 1996 ; Trung Quốc bành trướng cơ sở quân sự trên chòm Mischief tháng 11 năm 1998 mà chẳng thấy ASEAN phản ứng tập thể gì cả như ba năm trước đó ; Trung Quốc phổ biến tài liệu về " điều kiện sống và nhu cầu hậu cần của quân đội nhân dân giải phóng đóng trên quần đảo Spratley " (tháng 4-2000) ; Trung Quốc gặm nhấm như chuột, ăn dâu như tằm... Về phía các nước ASEAN, dăm ba chuyện cũng khó quên : Mã Lai ký tuyên bố chung với Trung Quốc tháng 6-1999 xác nhận nguyên tắc song phương trong việc giải quyết tranh chấp trên quần đảo Trường Sa ; Mã Lai thiết lập cơ sở bất chính trên vài chòm đá ; Việt Nam bắn máy bay thám thính Phi Luật tân ; nói chung, chia rẽ nội bộ, ai lo phận nấy sau 1997.

Trung Quốc thoải mái trong cách ứng xử : khi cần đa phương thì ta đa phương, khi cần song phương thì ta song phương. Ngày nay, Trung Quốc tham gia trong tất cả thảo luận đa phương, về mặt chính phủ cũng như về mặt chuyên gia và khai thác triệt để các hội trường đó như một khí cụ ngoại giao, vừa để trấn an láng giềng, vừa để chặn đứng những nguyên tắc, những quyết định bất lợi. Tham gia ARF, Trung Quốc hăm lại khuynh hướng muốn tiến đến giai đoạn ngoại giao phòng ngừa (diplomatie préventive), quan tâm chính yếu của các tiểu quốc phải sống bên cạnh đại quốc. ARF, thành lập với mục đích đẩy đưa Trung Quốc vào khuôn khổ lợi ích cộng đồng - để làm thuần con voi rừng - rốt cục chỉ tạo cơ hội cho Trung Quốc làm yếu Đông Nam Á (22). Và rốt cục, những nguyên tắc nhất trí, dung hòa quyền lợi, " tinh thần ASEAN " chẳng còn hiệu nghiệm gì nữa khi một thành viên, mà lại là thành viên lớn nhất, không tuân thủ. Đối với láng giềng của Bắc Kinh, thước đo đo lòng dạ Trung Quốc không tìm đâu khác hơn nơi các hòn đảo ở Biển Đông và Đài Loan. Các nhà quan sát quốc tế đồng ý với nhau ít ra trên một điểm : dù Trung Quốc gia tăng đối thoại đa phương đến mấy đi nữa, đây vẫn là chuyện ngoại đạo của ngoại giao Trung Quốc, ngoài cái đạo song phương vốn là lối chơi trần truồng của kẻ mạnh.

Tuy rằng Việt Nam chẳng muốn chút nào, và tôi hoàn toàn đồng ý với thái độ đó, phải chăng đã đến lúc thời cuộc buộc ta phải suy nghĩ hơn nữa về câu hỏi đặt ra cho ASEAN : hay là phải tăng cường các định chế tập thể ? Cái gì làm ta sợ ? Cái yếu của ta ? Thế thì chỉ có một cách đối trị mà thôi, là làm ta mạnh lên, mạnh từ bên trong. Hãy sửa đổi để mạnh, để không sợ trò chơi tập thể với láng giềng, để tiến lên làm chủ khuynh hướng tập hợp các quốc gia, có thể là tất yếu của thế kỷ. Đề đừng đơn côi. Đừng rơi vào quỹ đạo của một hành tinh nào.

### Chú Thích :

- (1) Cao Huy Thuần, Trung Quốc : một dấu hỏi. Bài đọc tại Hội Thảo New York City 15 và 16 -8-1998, đăng trong *Thời Đại* (Paris) số 3, 1999 và *Kỷ Yếu Hội Thảo Phát Triển Khu Vực Châu Á-Thái Bình Dương và Tranh Chấp Biển Đông*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, 2000. Trong *Kỷ Yếu* thiếu mất câu kết luận.
- (2) Các số liệu này lấy từ : David Shambaugh, Facing realities in China policy, *Foreign Affairs*, Jan-Feb 2001, Vol. 80, N°1. Về trị giá trao đổi thương mại, một bài viết khác đưa ra con số 70 tỷ Mỹ Kim (thay vì 100 tỷ) : Murray Weidenbaum, United States-China-Taiwan : A precarious triangle, *Challenge*, Sept-Oct 2000, Vol. 43, N° 5.
- (3) Con số 1/5 là lấy từ Weidenbaum. Tác giả viết thêm : Chắc chắn Âu châu hay Nhật Bản sẽ không chấp nhận một mức bất quân bình quá lớn như vậy. Xuất khẩu của Trung Quốc qua Mỹ chiếm 1/3 tổng số xuất khẩu của Trung Quốc.

- (4) Nishimoto Tatsuya, Roles and missions of the United States and Japan in the Japan-US alliance, trong : United States-Japan strategic dialogue : Beyond the defense guidelines, *Pacific Forum*, CSIS, May 2001, trang 24.
- (5) Xem thắc mắc hai bên trong : Benjamin L. Self, The China problem, the US-Japan alliance and the security of Taiwan, trong United States-Japan strategic dialogue vừa dẫn, trang 153.
- (6) Kurt M. Campbell & Derek J. Mitchell, Crisis in the Taiwan strait ? Trouble island, *Foreign Affairs*, Jul-Aug 2001, Vol. 80, N° 4.
- (7) Condoleezza Rice, Promoting the national interest. Life after the cold war, *Foreign Affairs*, Jan-Feb 2000, Vol. 79, N° 1.
- (8) Lấy từ Ralph A. Cossa, US Asia policy : does an alliance-based policy still make sense, *Pacific Forum*, CSIS, Sept 2001, *Issues and Insights*, N° 3-01, trang 24.
- (9) Lấy từ Jane Skanderup & Brad Glosserman, US-Japan-China : developing stable trilateral ties, *Pacific Forum*, CSIS, *Issues and Insights*, N° 4-01.
- (10) Murata Koji, The US-Japan alliance and Taiwan, trong United States-Japan strategic dialogue, tài liệu đã dẫn ở chú thích 4, trang 139.
- (11) Xavier Crombé et François Godement, La participation de la Chine aux dialogues multilatéraux de sécurité en Asie-Pacifique, trong F. Godement (dir.) : Chine-Japon-ASEAN, *La Documentation Française*, 1999, trang 122.
- (12) Ralph A. Cossa, US Asia policy, sách đã dẫn, trang 5.
- (13) *The New York Times*, 16 § 17-6-2002.
- (14) Sophie Boisseau du Rocher, L'ASEAN et les nouvelles règles du jeu. Le régionalisme en Asie du Sud-Est à l'épreuve de la mondialisation, *Revue Internationale de Politique Comparée*, février 2001, Vol. 8, N° 3, trang 399.
- (15) ASEAN cũng có trụ liệu những cơ chế đa số như " *Protocole sur le mécanisme de règlement des disputes* " ký giữa các bộ trưởng kinh tế tháng 11 năm 1996 về những tranh chấp xảy ra trong khi áp dụng AFTA (ASEAN Free Trade Area). Cơ chế này phỏng theo WTO. Tôi lấy chi tiết này từ bài viết của Boisseau du Rocher, trang 405, nên xin ghi chú theo tiếng Pháp.
- (16) Về vấn đề " nhức óc " trong việc thu nhận Miền Điện cũng như về vấn đề " *constructive intervention* " và " *flexible engagement* ", xem N. Ganesan, ASEAN's relations with major external powers, *Contemporary Southeast Asia*, Aug. 2000, Vol. 22, N° 2. Xem thêm : Rosney Tasker & Murray Hiebert, Dysfunctional Family, *Far Eastern Economic Review* 161, N° 30, 23-7-1998 và Nayan Chanda & Chada Islam, In the bunker, *Far Eastern Economic Review*, 161, N° 32, 6-8-1998.
- (17) " China must be " tied in " rather than " shut out " (Bates Gill & Nicholas Lardy, China : Searching for a post-cold war formula, *Brookings Review*, Fall 2000, Vol. 18, N°4). Lập luận này đã trở thành quá phổ thông. Tuy vậy, chẳng ai biết " *trói* " có được không và chẳng ai tin sẽ có quan hệ vững chắc. Hai tác giả vừa trích đã kết luận : " *But can a consistently stable relationship with China be expected ? Probably not.* ". Kết luận chung là : " *The bilateral relationship with China is fast becoming the most difficult for the United States to manage* " (Richard N. Haas, The foreign policy in the age of primacy, *Brookings Review*, Fall 2000). Tác giả là cố vấn của bộ trưởng ngoại giao Colin Powell.

Tường cũng nên trích thêm một kết luận nữa : " *US policy makers also need to be aware that it is not yet clear how China will use its rising influence in Asia. There is plenty of evidence that China remains opposed to longer-term US power and influence there. China is not yet constrained by interdependence and could decide at some point to put aside its current pragmatism for a more assertive and disruptive policy* " (Robert Sutter,

China 's recent approach to Asia : Seeking long term gains,  
[http://www.nbrorg/publications/analysis/vol13n°1/essay\\_Sutter.html](http://www.nbrorg/publications/analysis/vol13n°1/essay_Sutter.html)

- (18) Tác giả Trung Quốc là Yan Xuetong, làm việc trong Chinese Institute of Contemporary International Relations, trích dẫn bởi Godement, sách đã dẫn, trang 120.
- (19) Như trên.
- (20) Như trên, trang 128.
- (21) Như trên..
- (22) Như trên..